BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐOÀN TIẾN LỰC

SỰ CHUYỂN ĐỔI
TỪ NGÔN NGỮ VĂN HỌC SANG NGÔN NGỮ ĐIỆN ẢNH
(Qua một số tác phẩm cụ thể)

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam
Mã số: 62.22.01.02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Hà Nội – 2018

Luận án được hoàn thành tại:
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS Nguyễn Thị Ngân Hoa
2. PGS. TS Đặng Thị Hảo Tâm

Phản biện 1: GS. TS. Nguyễn Thiện Giáp
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 2: GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp
Viện Ngôn ngữ học

Phản biện 3: PGS. TS. Hoàng Kim Ngọc
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường tại:
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Vào hồi ….. giờ….. phút, ngày….. tháng năm 2018

Có thể tìm đọc luận án tại:
- Thư viện Quốc gia
- Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Ngôn ngữ nói / viết là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Nhưng con người không chỉ giao tiếp bằng ngôn ngữ nói / viết mà còn giao tiếp bằng các loại ngôn ngữ khác như ngôn ngữ hình ảnh, ngôn ngữ âm thanh... Thực tiễn này đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu mới cho ngôn ngữ học. Và để phù hợp với quy luật phát triển chung của các phương tiện giao tiếp, nghiên cứu ngôn ngữ ngày càng cần phải được mở rộng phạm vi theo hướng liên ngành, khẳng định và dành vị trí xứng đáng cho các loại phương tiện ngôn ngữ khác bên cạnh phương tiện ngôn ngữ nói / viết.

1.2. Xét ở phương tiện biểu đạt, ngôn ngữ văn học là ngôn từ nghệ thuật, là phương tiện của hoạt động giao tiếp văn chương còn ngôn ngữ điện ảnh là hình ảnh động và âm thanh nghệ thuật, là phương tiện của hoạt động giao tiếp điện ảnh. Bởi vậy, trong sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh sự tương đồng hay khác biệt của hai loại ngôn ngữ (phương tiện giao tiếp) này sẽ được biểu lộ ra rõ nhất.

1.3. Nghiên cứu liên ngành ngày càng trở thành xu hướng tất yếu trong nghiên cứu khoa học bởi khả năng làm tăng tính hiệu quả của hoạt động nghiên cứu. Trên thế giới, nhiều nhà khoa học đã bắt nhịp được với thực tiễn nghiên cứu của ngôn ngữ học, mở rộng phạm vi nghiên cứu ngôn ngữ đến các loại hình ngôn ngữ-phương tiện giao tiếp như ngôn ngữ hình ảnh, âm thanh dựa trên nền tảng lí thuyết tín hiệu học với sự mở rộng nội hàm của khái niệm ngôn ngữ. Tuy nhiên, ở Việt Nam, chưa có công trình khoa học nào tiếp cận, so sánh các loại hình ngôn ngữ nghệ thuật, các hoạt động giao tiếp nghệ thuật theo hướng liên ngành.

Từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn thực hiện đề tài nghiên cứu "Sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh" (Qua một số tác phẩm cụ thể).

2. Mục đích nghiên cứu

Lựa chọn và thực hiện đề tài "Sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh" (Qua một số tác phẩm cụ thể), mục đích của chúng tôi là bước đầu làm rõ những xu hướng chuyển đổi ở phương diện ngôn ngữ khi hoạt động giao tiếp văn học chuyển tiếp sang hoạt động giao tiếp điện ảnh / văn bản

văn học được chuyển thể sang văn bản điện ảnh và làm rõ các yếu tố chi phối đến những xu hướng chuyển đổi ngôn ngữ này.

3. Đối tượng nghiên cứu

Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh trong sự chuyển tiếp từ hoạt động giao tiếp văn học sang hoạt động giao tiếp điện ảnh.

4. Phạm vi nghiên cứu

4.1. Phạm vi vấn đề nghiên cứu

Thứ nhất, nghiên cứu sự chuyển đổi từ các tín hiệu – biểu tượng trong văn bản truyện kể văn học (VBTKVH) sang phim truyện điện ảnh (PTĐA) (vì biểu tượng trong VBTKVH và trong PTĐA là những tín hiệu thẩm mĩ, thể hiện rõ nhất những giá trị biểu đạt phong phú của ngôn ngữ nghệ thuật nói chung và ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ điện ảnh nói riêng). Biểu tượng hiện diện trong VBTKVH ở hình thức của tín hiệu ngôn từ (các từ - biểu tượng) và hiện diện trong PTĐA ở hình thức của tín hiệu hình ảnh nên chúng mang tất cả những đặc trưng, tính chất, giá trị của một tín hiệu trong hệ thống ngôn ngữ mà nó thuộc về. Những kết quả nghiên cứu về sự chuyển đổi tín hiệu - biểu tượng, xét về mặt bản chất, tương ứng hoàn toàn với việc nghiên cứu sự chuyển đổi từ tín hiệu ngôn từ văn học sang tín hiệu hình ảnh điện ảnh.

Thứ hai, nghiên cứu sự chuyển đổi từ đối thoại trong VBTKVH sang PTĐA (vì đối thoại là thành phần quan trọng trong ngôn ngữ kể chuyện có ở cả ngôn ngữ kể chuyện văn học và ngôn ngữ kể chuyện điện ảnh, thể hiện rõ nhất cho sự tương giao giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh).

4.2. Phạm vi ngữ liệu nghiên cứu

Về thể loại, chúng tôi giới hạn phạm vi ngữ liệu khi nghiên cứu sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh ở các VBTKVH (cụ thể là tiểu thuyết và truyện ngắn) và PTĐA.

Về thời gian, chúng tôi chọn ngữ liệu nghiên cứu là những VBTKVH nguồn và PTĐA chuyển thể được đánh giá cao về chất lượng (qua các giải thưởng đạt được) và / hoặc thu hút mạnh mẽ sự chú ý của dư luận trong 10 năm phát triển của điện ảnh Việt Nam tính từ năm 1995(- thời điểm bộ phim "Thương nhớ đồng quê" của đạo diễn Đặng Nhật Minh được phát hành, nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế, đánh một dấu mốc quan trọng trong bước phát triển của điện ảnh

Việt Nam) đến năm 2014 (- thời điểm chúng tôi thực hiện việc khảo sát ngữ liệu nghiên cứu), cụ thể:

STT	VBTKVH nguồn	PTĐA chuyển thể
1	"Thương nhớ đồng quê" (1992) Truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp	"Thương nhớ đồng quê" (1995) Đạo diễn Đặng Nhật Minh
2	"Những người thợ xẻ" (1989) Truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp	"Những người thợ xẻ" (1999) Đạo diễn Vương Đức
3	"Ba người trên sân ga" (1990) (Truyện ngắn của Hữu Phương)	"Đời cát" (1999) Đạo diễn Nguyễn Thanh Vân
4	"Bến Không chồng" (1990) Tiểu thuyết của Dương Hướng	"Bến Không chồng" (2000) Đạo diễn Lưu Trọng Ninh.
5	"Ngôi nhà xưa" (1992) Truyện ngắn của Đặng Nhật Minh	"Mùa ổi" (2001) Đạo diễn Đặng Nhật Minh
6	"Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành" (1983) Truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu	"Người đàn bà mộng du" (2003) Đạo diễn Nguyễn Thanh Vân
7	"Mùa len trâu" và "Một cuộc biển dâu" (1962) Hai truyện ngắn của Sơn Nam	"Mùa len trâu" (2005) Đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh
8	"Tiếng đàn môi sau bờ rào đá" (1999) Truyện ngắn của Đỗ Bích Thúy	"Chuyện của Pao" (2006) Đạo diễn Ngô Quang Hải
9	"Trăng nơi đáy giếng" (2001) Truyện ngắn của Trần Thùy Mai	"Trăng nơi đáy giếng" (2008) Đạo diễn Nguyễn Vinh Sơn
10	"Mười ba bến nước" (2004) Truyện ngắn của Sương Nguyệt Minh	"Mười ba bến nước" (2008) Đạo diễn Đặng Thái Huyền
11	"Cánh đồng bất tận" (2005) Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư	"Cánh đồng bất tận"(2010) Đạo diễn Nguyễn Phan Quang Bình
12	"Phiên bản" (2009) Tiểu thuyết của Nguyễn Đình Tú	"Hương Ga" (2014) Đạo diễn Cường Ngô

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xác định cơ sở lí luận cho việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu;

- Khảo sát những xu hướng chuyển đổi, biến đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh (qua kí hiệu - biểu tượng và đối thoại).

- Phân tích, lí giải cho những xu hướng chuyển đổi, biến đổi về mặt ngôn ngữ (thể hiện qua sự chuyển đổi kí hiệu - biểu tượng và đối thoại) khi VBTKVH được chuyển thể sang PTĐA.

6. Phương pháp nghiên cứu

- ***Phương pháp nghiên cứu định lượng*** được sử dụng trong quá trình khảo sát để xác định được biểu tượng nào, lời đối thoại nào được chuyển đổi sang PTĐA, số lượng bao nhiêu; biểu tượng nào, lời đối thoại nào không được chuyển đổi sang PTĐA, số lượng bao nhiêu. Đây là cơ sở quan trọng để nhận định mức độ phổ biến của các xu hướng chuyển đổi biểu tượng, đối thoại từ VBTKVH sang PTĐA.

- ***Phương pháp miêu tả*** được sử dụng để diễn giải các xu hướng chuyển đổi, biến đổi biểu tượng (ở chương 2) và các xu hướng chuyển đổi, biến đổi đối thoại (ở chương 3), giúp làm rõ các thuộc tính của đối tượng nghiên cứu.

Thủ pháp so sánh – đối chiếu được sử dụng vào việc phát hiện những đặc điểm khác nhau của kí hiệu ngôn từ văn học, đối thoại văn học với kí hiệu hình ảnh điện ảnh, đối thoại điện ảnh nói riêng và sự khác nhau của hệ thống ngôn ngữ văn học/ giao tiếp văn học với hệ thống ngôn ngữ điện ảnh/ giao tiếp điện ảnh nói chung.

7. Đóng góp mới của luận án

7.1. Về mặt lí luận

- Làm sáng tỏ hơn những vấn đề lí luận về ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh (ở các thành phần/cấp độ tín hiệu biểu tượng, đối thoại) và sự tương giao về mặt ngôn ngữ của các văn bản truyện kể, ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật.

- Góp thêm những kiến giải mang tính quy luật về quá trình tư duy và tiếp nhận ngôn từ và hình ảnh, về quá trình giải mã, lập mã ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp cũng như bản chất của hoạt động giao tiếp văn học, giao tiếp điện ảnh.

7.2. Về mặt thực tiễn

- Giúp làm rõ hơn giá trị của hướng tiếp cận liên ngành trong việc phân tích cấu trúc của các phương tiện ngôn ngữ khác nhau, các loại hình văn bản khác nhau, định hướng cho việc tiếp nhận văn bản nghệ thuật theo đúng đặc trưng thể loại, ngôn ngữ của nó.

- Đóng góp thêm một công trình nghiên cứu ngôn ngữ theo hướng liên ngành, một tài liệu tham khảo hữu ích khi nghiên cứu về phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ hình ảnh, ngôn ngữ tổng hợp;

- Giúp cho các nhà sáng tác văn học, biên kịch điện ảnh và đạo diễn có thêm những lí luận trong sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt là làm việc với những văn bản điện ảnh chuyển thể.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, phần nội dung của luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về đề tài nghiên cứu và cơ sở lí thuyết

Chương 2: Sự chuyển đổi từ biểu tượng trong văn bản truyện kể văn học sang biểu tượng trong phim truyện điện ảnh

Chương 3: Sự chuyển đổi từ ngôn ngữ đối thoại trong văn bản truyện kể văn học sang ngôn ngữ đối thoại trong phim truyện điện ảnh

Chương 1
TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÍ THUYẾT

1.1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1.1. Tình hình nghiên cứu về sự chuyển đổi ngôn ngữ trên thế giới

Trên thế giới, có khá nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu đến vấn đề chuyển đổi ngôn ngữ như Roman Jakobson (1959), Eugne Nida (1964), Katharina Reiss (1977), Basil Hatim và Ian Mason (1990)v.v… Trong các công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu này, các vấn đề đã được đặt ra xem xét như tính tương đương, biến đổi cũng như những mối liên hệ ở ngôn ngữ nguồn/ văn bản nguồn và ngôn ngữ đích / văn bản đích. Những kết quả nghiên cứu này góp phần hình thành nên những nền tảng lí luận cơ bản cho hoạt động chuyển đổi ngôn ngữ, đặc biệt là chuyển đổi ngôn ngữ trong giao tiếp song ngữ (còn gọi là chuyển dịch hay phiên dịch).

Cùng với đó, cũng có một số nghiên cứu về sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh dưới ánh sáng của lí thuyết phiên dịch hay liên văn bản… Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của các công trình nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở một hai trường hợp phim truyện điện ảnh chuyển thể cụ thể.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu về chuyển đổi ngôn ngữ ở Việt Nam

Ở Việt Nam, những nghiên cứu về chuyển đổi ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu về sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh nói riêng còn chưa có nhiều. Thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, mới chỉ có một số nghiên cứu của Nguyễn Lai (1996), Trương Viên (2003), Đỗ Phương Thảo (2009)… nhưng cũng không nghiên cứu trực tiếp vấn đề chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh mà chỉ nghiên cứu sự chuyển mã hình

tượng trong ngôn ngữ văn học (Nguyễn Lai), sự chuyển dịch uyển ngữ (Trương Viên) hay mới bước đầu đặt ra những so sánh đối thoại trong văn học và trong điện ảnh (Đỗ Phương Thảo). Ngoài ra, vấn đề mối liên hệ giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh cũng được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực lí luận văn học và lí luận điện ảnh.

Kết quả của những nghiên cứu được tổng quan ở phần này giúp chúng tôi có được nền tảng kiến thức lí luận về chuyển đổi ngôn ngữ, về mối liên hệ giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh, từ đó định hình được hướng nghiên cứu, hướng đến những kết quả nghiên cứu có tính mới, tính đóng góp.

1.2. CƠ SỞ LÍ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Lí thuyết về tín hiệu và việc xác định nội hàm các khái niệm 'ngôn ngữ', 'ngôn ngữ nghệ thuật'

1.2.1.1. Lí thuyết về tín hiệu

Từ quan điểm của các nhà nghiên cứu Ferdinand de Saussure, Louis Hjelmslev, Charles Sanders Peirce Roland Barthes, có thể rút ra một số điểm chung nhất như sau:

Thứ nhất, cấu trúc của tín hiệu gồm hai thành phần *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt*.

Thứ hai, các loại tín hiệu khác nhau sẽ có những nguyên lí thiết tạo mối quan hệ ngữ nghĩa nội tại (mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt) và mối quan hệ ngoại tại (mối quan hệ giữa các tín hiệu với nhau) khác nhau.

Thứ ba, một chất liệu tín hiệu (sự vật vật chất, thuộc tính, hiện tượng thực tế) được gọi là tín hiệu chỉ khi nó thuộc vào một hệ thống ngôn ngữ nhất định và được sử dụng vào trong quá trình giao tiếp (quá trình tín hiệu hóa, mã hóa).

Thứ tư, sự kiến tạo một tín hiệu không phải lúc nào cũng giản đơn gồm một *cái biểu đạt* và tương ứng với nó là một *cái được biểu đạt*. Cần phải phân biệt hệ thống tín hiệu biểu thị và hệ thống tín hiệu hàm biểu trong cấu trúc phân tầng của các tín hiệu.

1.2.1.2. Tín hiệu và việc xác định nội hàm các khái niệm 'ngôn ngữ', 'ngôn ngữ nghệ thuật'

Ngôn ngữ được hiểu theo nghĩa rộng là bất cứ một hệ thống tín hiệu nào phục vụ cho hoạt động giao tiếp, nghĩa là bao gồm cả các ngôn ngữ nghệ thuật như ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ điện ảnh, ngôn ngữ hội họa….

Ngôn ngữ nghệ thuật là hệ thống tín hiệu hàm biểu được xây chồng lên từ hệ thống tín hiệu biểu thị, phục vụ cho các hoạt động giao tiếp nghệ thuật.

1.2.2. Lí thuyết về ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh

1.2.2.1. Lí thuyết về ngôn ngữ văn học

a. Khái niệm

Xét từ mặt bản chất tín hiệu, ngôn ngữ văn học có thể hiểu là hệ thống tín hiệu ngôn từ hàm biểu được dùng để tạo lập nên văn bản văn học, truyền tải thông điệp trong hoạt động giao tiếp văn học.

b. Một số đặc điểm cơ bản

- Ngôn ngữ văn học có tính hình tuyến
- Ngôn ngữ văn học có tính hình tượng phi vật thể
- Ngôn ngữ văn học có tính đa nghĩa

1.2.2.2. Lí thuyết về ngôn ngữ điện ảnh

a. Khái niệm

Ngôn ngữ điện ảnh là phương tiện biểu hiện của văn bản điện ảnh, là sự tổ chức của các tín hiệu hình ảnh động và âm thanh theo một quy tắc "ngữ pháp" đặc trưng - được gọi là montage (ghép dựng) nhằm khắc họa hình tượng, truyền tải thông điệp, thực hiện giao tiếp nghệ thuật giữa chủ thể sáng tạo và người tiếp nhận.

b. Một số đặc điểm cơ bản

- Ngôn ngữ điện ảnh vừa có đặc tính thời gian vừa có đặc tính không gian
- Ngôn ngữ điện ảnh có tính trực quan, sinh động
- Ngôn ngữ điện ảnh có tính đa nghĩa

Từ những trình bày ở trên về ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh, có thể khái quát những điểm giống và khác nhau của hai ngôn ngữ này như sau:

	Ngôn ngữ văn học	**Ngôn ngữ điện ảnh**
Điểm giống nhau	- Ngôn ngữ nghệ thuật, phương tiện biểu đạt là hệ thống tín hiệu ngôn ngữ hàm biểu. - Tính đa nghĩa	
Điểm khác nhau	- Chỉ gồm hệ thống tín hiệu ngôn từ	- Gồm hệ thống tín hiệu hình ảnh điện ảnh và âm thanh (lời đối thoại, âm nhạc, tiếng động)
	- Tính hình tuyến	- Cả hình tuyến và phi hình tuyến
	- Tính phi vật thể	- Tính trực quan
	- Tín hiệu ngôn từ gợi lên (evoke) , chiếu đến một vật hoặc một ý niệm)	- Tín hiệu hình ảnh trình chiếu (show), chiếu đến một hoặc một loạt sự vật)
	- Sự miêu tả hình ảnh	- Sự tái tạo hình ảnh

1.2.3. Lí thuyết về biểu tượng, đối thoại trong VBTKVH và PTĐA

1.2.3.1. Lí thuyết về biểu tượng trong VBTKVH và PTĐA

a. Biểu tượng là gì?

Biểu tượng có thể là tất cả mọi thứ từ cụ thể (như trang phục, tượng điêu khắc, công trình kiến trúc…) đến trừu tượng như các giấc mơ, các mô-típ, hành vi, thế giới thần linh… Ý nghĩa của một biểu tượng không phải là một cấu trúc khép kín, không phải là sự tương ứng cố định giản đơn 1:1 giữa *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt* mà là một khả năng gợi ra các chiều liên tưởng trong thực tại tinh thần của con người.

b. Sự chuyển hóa và sự vận động tương tác biến đổi ý nghĩa của biểu tượng trong văn bản nghệ thuật

Một trong những nguồn hình thành các biểu tượng nghệ thuật trong văn bản nghệ thuật là sự chuyển hóa, đi vào của các biểu tượng văn hóa. Sự vận động tương tác biến đổi ý nghĩa của các tín hiệu nói chung và biểu tượng nói riêng trong văn bản nghệ thuật không nằm ngoài quy luật biến đổi ngữ nghĩa của ngôn ngữ.

c. Biểu tượng trong VBTKVH và trong PTĐA

Biểu tượng trong VBTKVH hiện diện qua các hình thể từ ngữ còn được gọi là các từ-biểu tượng (word-symbol) còn biểu tượng trong các PTĐA hiện diện qua các hình ảnh hoặc âm thanh.

1.2.3.2. Lí thuyết về đối thoại trong VBTKVH và PTĐA

a. Đối thoại là gì?

Đối thoại là thành phần quan trọng trong kết cấu của ngôn ngữ kể chuyện. Đây là những lời trao đáp của các nhân vật đã được người tạo lập văn bản tái tạo theo sự mô phỏng hội thoại trong giao tiếp hàng ngày. Và là 'phiên bản nhân tạo' của các cuộc hội thoại trong giao tiếp hàng ngày của con người nên chúng cũng có cấu trúc giống như cấu trúc của các cuộc hội thoại và cũng được thể hiện theo các quy tắc, phương châm hội thoại.

b. Chức năng của đối thoại trong VBTKVH và PTĐA

- Chức năng cá thể hóa tính cách nhân vật
- Chức năng thông tin, miêu tả
- Chức năng tham gia vào dẫn dắt và tổ chức câu chuyện
- Chức năng liên cá nhân

c. Đối thoại trong VBTKVH và trong PTĐA

Đối thoại trong VBTKVH và trong PTĐA vừa có những điểm giống nhau vừa có những điểm khác nhau do sự chi phối của đặc trưng của mỗi loại hình ngôn ngữ nghệ thuật mà chúng thuộc về.

1.2.4. Lí thuyết về chuyển đổi ngôn ngữ

1.2.4.1. Chuyển đổi ngôn ngữ là gì?

Chuyển đổi ngôn ngữ là sự chuyển dịch và thay thế hệ thống ngôn ngữ / tín hiệu này (ngôn ngữ nguồn) bằng một hệ thống ngôn ngữ / tín hiệu khác (ngôn ngữ đích). Các phạm vi cụ thể của hoạt động chuyển đổi ngôn ngữ là:

(i) Chuyển đổi ngôn ngữ diễn ra trong hoạt động giao tiếp đơn ngữ, còn gọi là viết lại.

(ii) Chuyển đổi ngôn ngữ diễn ra giữa các ngôn ngữ khác nhau như chuyển đổi từ tiếng Anh sang tiếng Việt, tiếng Pháp v.v… và ngược lại (còn gọi là chuyển dịch liên ngữ) hay chuyển đổi từ một ngôn ngữ ở dạng nói / viết sang ngôn ngữ phi lời, ngôn ngữ hình ảnh.

1.2.4.2. Đường hướng tiếp cận sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh của luận án

Thu nhận những vấn đề lí thuyết cơ bản về chuyển đổi ngôn ngữ như đã trình bày và liên hệ với mô hình giao tiếp của Roman Jakobson, chúng tôi cho rằng quá trình chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh về bản chất thuộc quá trình chuyển tiếp từ hoạt động giao tiếp văn học sang hoạt động giao tiếp điện ảnh và có thể sơ đồ hóa như sau:

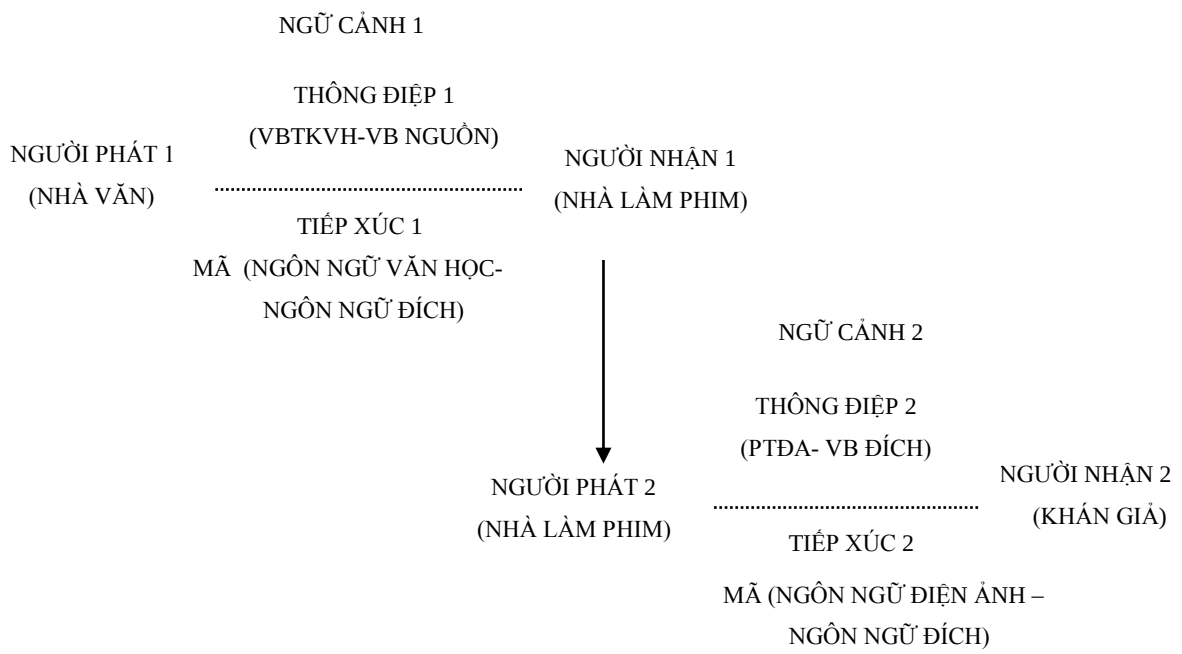

Hình 1.6: Lược đồ quá trình chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh trong mô hình của hoạt động giao tiếp

Tiểu kết

Xuất phát từ lí thuyết về tín hiệu học, luận án xác định nội hàm của các khái niệm ngôn ngữ và ngôn ngữ nghệ thuật, làm cơ sở cho việc xác định các khái niệm ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh.

Lí thuyết về ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh bước đầu cho thấy những điểm tương đồng và khác biệt của hai hệ thống ngôn ngữ này.

Lí thuyết về biểu tượng và đối thoại trong VBTKVH và trong PTĐA giúp định hình vị trí và chức năng của chúng trong hệ thống ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh.

Lí thuyết về chuyển đổi ngôn ngữ là cơ sở cho việc xác định đường hướng tiếp cận đối tượng nghiên cứu của luận án

Chương 2
SỰ CHUYỂN ĐỔI TỪ BIỂU TƯỢNG TRONG VĂN BẢN TRUYỆN KỂ VĂN HỌC SANG BIỂU TƯỢNG TRONG PHIM TRUYỆN ĐIỆN ẢNH

Dẫn nhập

Phương tiện ngôn ngữ để tạo lập các VBTKVH là tín hiệu ngôn từ còn phương tiện ngôn ngữ chính yếu để tạo lập các PTĐA là các tín hiệu hình ảnh. Vậy nên, để làm rõ những biến đổi về mặt ngôn ngữ, những đặc trưng của mỗi loại ngôn ngữ trong sự đối chiếu – so sánh và mạch ngầm liên kết của những cơ tầng ý nghĩa giữa văn bản nguồn (VBTKVH) và văn bản đích (PTĐA chuyển thể), chương này của luận án sẽ trình bày những nghiên cứu về sự chuyển đổi từ tín hiệu ngôn từ văn học sang tín hiệu hình ảnh điện ảnh (qua các kí hiệu – biểu tượng).

2.1. NHỮNG NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG VỀ SỰ CHUYỂN ĐỔI BIỂU TƯỢNG TỪ VĂN BẢN TRUYỆN KỂ VĂN HỌC SANG PHIM TRUYỆN ĐIỆN ẢNH

Việc khảo sát, thống kê các biểu tượng trong VBTKVH nguồn và PTĐA chuyển thể tương ứng được thực hiện theo hai tiêu chí **CÓ** và **KHÔNG CÓ**. Sau đó, chúng tôi tổng hợp và đối ứng các kết quả định lượng này để có một kết quả toàn diện, xác định được biểu tượng nào trong VBTKVH nguồn được chuyển đổi sang và biểu tượng nào không được chuyển đổi sang PTĐA cũng như biểu tượng nào được sáng tạo mới trong PTĐA chuyển thể. Từ đó, chúng tôi xác định được có ba xu hướng chuyển đổi, biến đổi biểu tượng khi VBTKVH được chuyển thể sang PTĐA:

- Cắt giảm biểu tượng ở VBTKVH nguồn
- Sáng tạo thêm biểu tượng ở PTĐA chuyển thể
- Chuyển đổi từ biểu tượng ngôn từ trong VBTKVH sang thành biểu tượng hình ảnh trong PTĐA.

Những kết quả nghiên cứu định lượng cũng cho thấy xu hướng chuyển đổi từ biểu tượng trong VBTKVH sang biểu tượng trong PTĐA là xu hướng phổ biến hơn cả. Có biểu đồ hóa mức độ phổ biến của các xu hướng chuyển đổi, biến đổi biểu tượng (xét về số lượng) khi VBTKVH được chuyển thể sang PTĐA như sau:

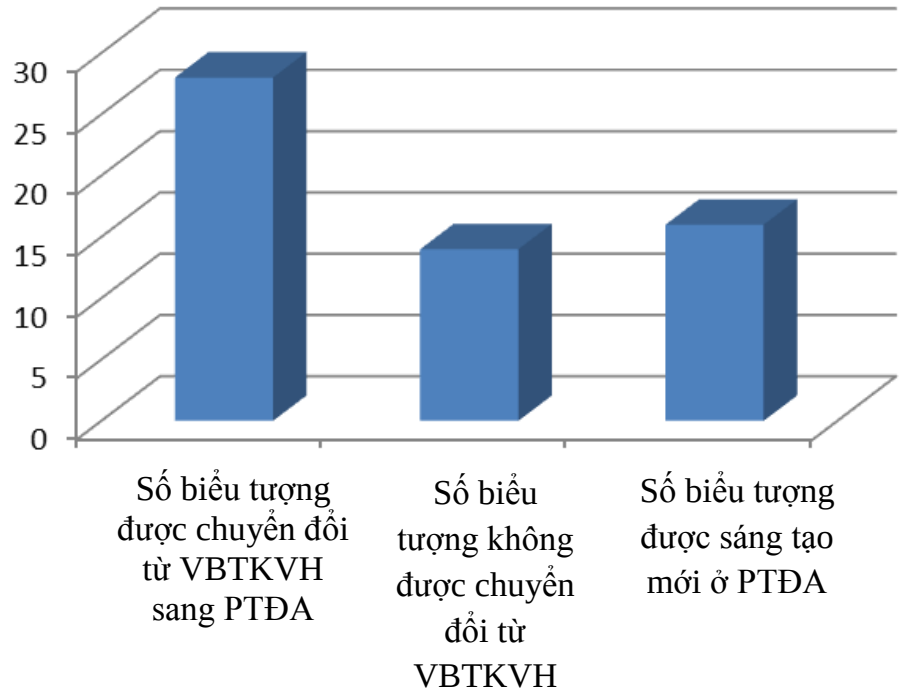

Hình 2.3: Biểu đồ thể hiện mức độ khác nhau của các xu hướng chuyển đổi, biến đổi biểu tượng khi VBTKVH được chuyển thể sang PTĐA

2.2. MIÊU TẢ XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI TỪ BIỂU TƯỢNG NGÔN TỪ TRONG VĂN BẢN TRUYỆN KỂ VĂN HỌC SANG BIỂU TƯỢNG HÌNH ẢNH TRONG PHIM TRUYỆN ĐIỆN ẢNH

2.2.1. Chuyển đổi từ biểu tượng trong VBTKVH sang biểu tượng trong PTĐA xét từ phương diện biểu đạt (tín hiệu biểu thị)

2.2.1.1. Cái biểu đạt của biểu tượng trong PTĐA tương ứng với cái biểu đạt của biểu tượng đó trong VBTKVH nguồn

Ở các trường hợp biểu tượng trong VBTKVH nguồn được chuyển đổi sang PTĐA, có trường hợp *cái được chỉ ra* ở lớp tín hiệu biểu thị của biểu tượng trong VBTKVH (trong sự kết hợp với các tín hiệu khác trên trục ngữ

đoạn) và hình ảnh điện ảnh biểu thị biểu tượng đó trong PTĐA chuyển thể tương đương nhau (là sự chiếu ứng của nhau).

2.2.1.2. Cái biểu đạt của biểu tượng trong PTĐA không tương ứng với cái biểu đạt của biểu tượng đó trong VBTKVH nguồn

Sự không tương ứng giữa cái biểu đạt của biểu tượng trong VBTKVH nguồn và trong PTĐA chuyển thể lại thể hiện ở một số mức độ:

(i) Cái biểu đạt của biểu tượng trong VBTKVH hoàn toàn không tương ứng với cái biểu đạt của biểu tượng đó trong PTĐA. Nghĩa là, có những trường hợp hình ảnh được gợi ra từ các từ ngữ biểu thị biểu tượng trong VBTKVH không tương ứng với hình ảnh biểu thị biểu tượng đó trong PTĐA (mặc dù ý nghĩa biểu trưng của biểu tượng này trong VBTKVH và trong PTĐA chuyển thể vẫn tương đương).

(ii) Cái biểu đạt của biểu tượng trong PTĐA có tần suất xuất hiện ít hơn hoặc nhiều hơn so với trong VBTKVH nguồn.

2.2.2. Những hướng chuyển đổi từ biểu tượng trong VBTKVH sang PTĐA xét ở phương diện cái được biểu đạt (phương diện ý nghĩa)

2.2.2.1. Tương đương về ý nghĩa

Có thể mô tả những trường hợp chuyển đổi từ biểu tượng trong VBTKVH nguồn sang PTĐA chuyển thể tương đương về ý nghĩa như sau: Biểu tượng (A) trong VBTKVH có các ý nghĩa biểu trưng n_1, n_2, n_3 và khi được chuyển đổi vào trong PTĐA chuyển thể, biểu tượng (A) cũng có các ý nghĩa n_1, n_2, n_3.

2.2.2.2. Thu hẹp ý nghĩa

Trong các trường hợp biểu tượng được chuyển đổi từ trong VBTKVH nguồn sang PTĐA chuyển thể, có những trường hợp ý nghĩa của biểu tượng trong VBTKVH nguồn rộng hơn (nhiều hướng nghĩa biểu trưng hơn) ý nghĩa của biểu tượng đó trong PTĐA chuyển thể.

2.2.2.3. Phát triển thêm ý nghĩa

Các trường hợp chuyển đổi biểu tượng từ VBTKVH sang PTĐA được xác định là chuyển đổi theo hướng phát triển thêm ý nghĩa khi ý nghĩa của biểu tượng trong PTĐA chuyển thể rộng hơn (nhiều hướng nghĩa biểu trưng hơn) so với ý nghĩa của biểu tượng trong VBTKVH nguồn.

2.3. MỘT SỐ KIẾN GIẢI VỀ XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI BIỂU TƯỢNG TỪ VĂN BẢN TRUYỆN KỂ VĂN HỌC SANG PHIM TRUYỆN ĐIỆN ẢNH

2.3.1. Những chi phối từ sự bất tương đồng về mã ngôn ngữ

Thứ nhất là những chi phối từ sự khác nhau giữa hệ thống tín hiệu biểu thị của biểu tượng trong VBTKVH và biểu tượng trong PTĐA: Ở các tín hiệu ngôn từ, *cái biểu đạt* là các 'hình ảnh âm thanh' (sound image). Mối quan hệ giữa hình ảnh âm thanh - cái biểu đạt và ý niệm về sự vật hiện tượng tương ứng-cái được

biểu đạt là trừu tượng. Ở các tín hiệu hình ảnh điện ảnh, *cái biểu đạt* là các hình ảnh trực quan nên *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt* gần như giống nhau. Các tín hiệu - biểu tượng trong VBTKVH có tính phi trực quan trong biểu hiện ý nghĩa, nhà văn có vẻ tự do hơn trong việc biểu hiện các ý niệm nhạy cảm, tội ác, kinh dị… Nhưng hình ảnh điện ảnh có một sức mạnh mãnh liệt trong việc tạo ra ở người xem những ảo giác (illusion) về hiện thực chân thực và sinh động như thật, dẫn dụ người xem tin và nhập tâm vào với câu chuyện đang được kể bằng hình ảnh trên màn ảnh. Vậy nên, những hình ảnh biểu hiện hành vi tính dục, bạo lực, gây hoảng loạn, ghê sợ hoặc phản cảm thường sẽ phải được "tiết chế" trong biểu hiện bằng hình ảnh điện ảnh. (Biểu hiện cụ thể của sự tiết chế ở đây là trong việc tạo hình các hình ảnh điện ảnh - tín hiệu biểu thị của biểu tượng trong PTĐA, nhà làm phim thường chỉ biểu hiện một phần hình ảnh về đối tượng thông qua phương thức hoán dụ hay cải dung.

Thứ hai là những chi phối từ sự khác nhau về đơn vị mã: Đơn vị cơ bản của mã ngôn ngữ văn học là các từ (các biểu tượng "hiện diện" trong VBTKVH ở các hình thể từ ngữ, được gọi là từ - biểu tượng) còn đơn vị cơ bản của mã ngôn ngữ điện ảnh là cảnh. Như vậy, nếu xét trên trục ngữ đoạn, một đơn vị từ ở ngôn ngữ văn học sẽ tương đương với một đơn vị cảnh ở ngôn ngữ điện ảnh. Nhưng, nếu xét ở khả năng biểu thị của hai đơn vị này thì một cảnh ở ngôn ngữ điện ảnh có thể tương ứng với nhiều từ.

Thêm nữa, sự khác nhau về đơn vị mã như trên cũng dẫn đến những khả năng khác nhau trong biểu đạt ý nghĩa ngữ dụng của của kí hiệu - biểu tượng trong VBTKVH và trong PTĐA.

2.3.2. Những chi phối từ sự bất tương đồng về thông điệp ở văn bản truyện kể văn học nguồn và ở phim truyện điện ảnh chuyển thể

Hệ thống tín hiệu trong VBTKVH cũng như trong PTĐA được sử dụng để kiến tạo văn bản, truyền tải thông điệp. (Và thông điệp của VBTKVH cũng như PTĐA chính là nghĩa chủ đề tư tưởng của những loại hình văn bản truyện kể này). Điều này, tương ứng với hệ quả: nếu từ VBTKVH nguồn đến PTĐA chuyển thể có sự biến đổi nhất định về chủ đề từ tưởng thì sự biến đổi đó sẽ chi phối đến phương tiện biểu đạt là hệ thống tín hiệu trong văn bản.

Tìm hiểu cấu trúc nghĩa chủ đề của các VBTKVH nguồn cũng như cấu trúc nghĩa chủ đề của các PTĐA chuyển thể tương ứng, chúng tôi nhận thấy tất cả các trường hợp chuyển thể từ VBTKVH sang PTĐA đều có sự biến đổi về cấu trúc nghĩa chủ đề và biến đổi theo hai hướng:

(i) Cấu trúc lại chủ đề của VBTKVH nguồn ở PTĐA chuyển thể theo hướng phát triển thêm

(ii) Cấu trúc lại chủ đề của VBTKVH nguồn ở PTĐA chuyển thể theo hướng thu hẹp lại

2.3.3. Sự bất tương đồng về chủ thể sáng tạo

Ở giai đoạn thứ nhất của quá trình chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học / VBTKVH nguồn sang ngôn ngữ điện ảnh / PTĐA chuyển thể (giai đoạn giải mã, luận nghĩa ở VBTKVH), việc giải mã phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố người nhận -'người hiểu' (interpreter) - nhà làm phim. Ở giai đoạn này, các đối tượng khách thể từ ngôn ngữ sẽ được khúc xạ qua tâm trí của người tiếp nhận / nhà làm phim, hình thành trong nhà làm phim những hình ảnh tâm trí (mental image) về sự vật, ý niệm mà tín hiệu ngôn từ biểu thị.

Ở giai đoạn thứ hai của quá trình chuyển đổi, dựa vào những hình ảnh tâm trí được khúc xạ từ những sự vật, ý niệm được gợi ra từ các tín hiệu ngôn từ, nhà làm phim tái tạo hình ảnh điện ảnh. Có thể mô phỏng quá trình chuyển đổi này như sau:

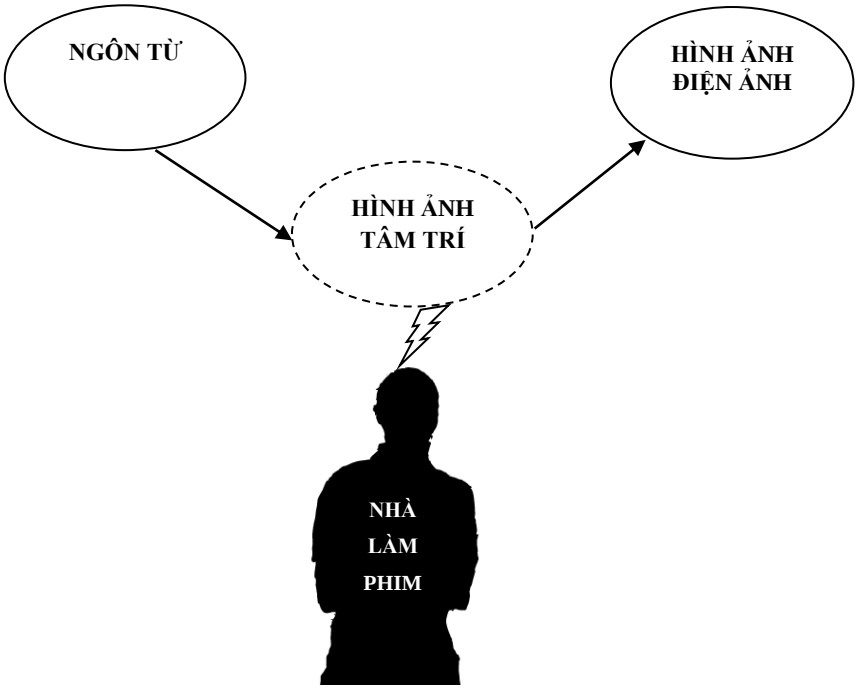

Hình 2.72: Lược đồ quá trình chuyển đổi từ biểu tượng ngôn từ văn học sang biểu tượng hình ảnh điện ảnh

Như vậy, cả giai đoạn thứ nhất và giai đoạn thứ hai của quá trình chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh đều "đi qua" lăng kính chủ quan của nhà làm phim. Lăng kính của nhà làm phim chắc chắn không thể giống hoàn toàn lăng kính chủ quan của nhà văn. Từ đó, sự bất tương đồng về chủ thể sáng tạo là một trong những cơ sở quan trọng lí giải cho sự biến đổi của biểu tượng khi VBTKVH chuyển thể sang PTĐA.

Tiểu kết

Sự chuyển đổi từ biểu tượng ngôn từ văn học sang biểu tượng hình ảnh điện ảnh nói riêng và sự chuyển đổi từ tín hiệu ngôn từ văn học sang tín hiệu hình ảnh điện ảnh nói chung là sự chuyển đổi từ hệ thống tín hiệu biểu thị là ngôn từ sang hệ thống tín hiệu biểu thị là hình ảnh điện ảnh. Hai hệ thống tín hiệu này là hai mã ngôn ngữ khác nhau (khác nhau về mối quan hệ nội tại giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt, khác nhau về đơn vị mã và khác nhau về các quan hệ cú pháp, quan hệ liên tưởng) nên khác nhau trong cơ chế mã hóa để biểu đạt một ý nghĩa nào đó. Điều này cũng có nghĩa là một nội dung ý nghĩa được biểu đạt / mã hóa bởi ngôn từ văn học hoàn toàn có thể được chuyển đổi tương tương sang biểu đạt/ mã hóa bằng hình ảnh điện ảnh. Sự tương đương ở đây được hiểu là tương đương trong khác biệt (về mã).

Quá trình chuyển đổi từ biểu tượng ngôn từ văn học sang biểu tượng hình ảnh điện ảnh nói riêng và sự chuyển đổi từ tín hiệu ngôn từ văn học sang tín hiệu hình ảnh điện ảnh nói chung ngoài chịu sự chi phối từ sự bất tương đồng của mã kí hiệu ngôn ngữ văn học và mã kí hiệu ngôn ngữ điện ảnh còn chịu sự chi phối từ sự bất tương đồng về chủ thể giao tiếp và sự bất tương đồng về thông điệp ở hoạt động giao tiếp văn học và hoạt động giao tiếp điện ảnh.

Chương 3
SỰ CHUYỂN ĐỔI TỪ NGÔN NGỮ ĐỐI THOẠI TRONG VĂN BẢN TRUYỆN KỂ VĂN HỌC SANG NGÔN NGỮ ĐỐI THOẠI TRONG PHIM TRUYỆN ĐIỆN ẢNH

Dẫn nhập

Nghiên cứu sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh, ở chương này, chúng tôi chọn tiếp cận sự chuyển đổi từ đối thoại trong VBTKVH sang PTĐA bởi như đã lí giải trong phần giới hạn phạm vi vấn đề nghiên cứu của luận án, đây là thành phần ngôn ngữ biểu hiện rõ sự tương giao giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh.

3.1. NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG VỀ LỜI ĐỐI THOẠI TRONG VĂN BẢN TRUYỆN KỂ VĂN HỌC NGUỒN VÀ PHIM TRUYỆN ĐIỆN ẢNH CHUYỂN THỂ

3.1.1. Thống kê-đối ứng tổng số lời đối thoại trong các văn bản truyện kể văn học nguồn và các phim truyện điện ảnh chuyển thể tương ứng

Chúng tôi đã thực hiện việc khảo sát, thống kê số lượng lời đối thoại trong tất cả các VBTKVH nguồn và PTĐA chuyển thể thuộc phạm vi nghiên

cứu của luận án. Và sau đây là bảng đối chiếu số lượng lời đối thoại ở các VBTKVH nguồn và PTĐA chuyển thể tương ứng:

Stt	Văn bản truyện kể văn học/ Phim truyện điện ảnh	Số lời đối thoại trong VBTKVH nguồn	Số lời đối thoại trong PTĐA chuyển thể
1	*Thương nhớ đồng quê/ Thương nhớ đồng quê*	91	482
2	*Những người thợ xẻ/ Những người thợ xẻ*	218	476
3	*Ba người trên sân ga/ Đời cát*	16	369
4	*Bến không chồng/ Bến không chồng*	1178	578
5	*Ngôi nhà xưa/ Mùa ổi*	34	513
6	*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành/ Người đàn bà mộng du*	160	305
7	*Mùa len trâu, Một cuộc biển dâu/ Mùa len trâu*	32+36	466
8	*Tiếng đàn môi sau bờ rào đá/ Chuyện của Pao*	21	217
9	*Trăng nơi đáy giếng/ Trăng nơi đáy giếng*	48	271
10	*Mười ba bến nước/ Mười ba bến nước*	58	319
11	*Cánh đồng bất tận/ Cánh đồng bất tận*	93	313
12	*Phiên bản/ Hương Ga*	651	328
Tổng		**2636**	**4637**

Bảng 3.1: Số lượng lời đối thoại trong các VBTKVH nguồn và PTĐA chuyển thể tương ứng

Bảng số liệu trên cho thấy độ chênh khá rõ về số lượng các lời đối thoại trong VBTKVH nguồn so với trong PTĐA chuyển thể tương ứng.

3.1.2. Khảo sát những biến đổi về số lượng lời đối thoại khi VBTKVH chuyển thể sang PTĐA

Chúng tôi đã tiếp tục khảo sát, thống kê lời đối thoại trong VBTKVH nguồn và trong PTĐA chuyển thể tương ứng ở các chỉ số định lượng: (1) Số lượng lời đối thoại trong VBTKVH không được chuyển sang PTĐA chuyển thể tương ứng, (2) Số lượng lời đối thoại được sáng tạo thêm trong PTĐA chuyển

thể và (3) Số lượng lời đối thoại trong VBTKVH nguồn được chuyển sang PTĐA chuyển thể tương ứng. Kết quả cho như sau:

Stt	Văn bản truyện kể văn học/ Phim truyện điện ảnh	Số lời đối thoại không được chuyển sang PTĐA chuyển thể	Số lời đối thoại được thêm mới vào PTĐA chuyển thể	Số lời đối thoại được chuyển sang PTĐA chuyển thể
1	*Thương nhớ đồng quê/ Thương nhớ đồng quê*	42	433	49
2	*Những người thợ xẻ/ Những người thợ xẻ*	80	338	138
3	*Ba người trên sân ga/ Đời cát*	12	365	4
4	*Bến không chồng/ Bến không chồng*	1111	511	67
5	*Ngôi nhà xưa/ Mùa ổi*	18	497	16
6	*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành/ Người đàn bà mộng du*	129	274	31
7	*Mùa len trâu, Một cuộc biển dâu/ Mùa len trâu*	33	431	35
8	*Tiếng đàn môi sau bờ rào đá/ Chuyện của Pao*	7	203	14
9	*Trăng nơi đáy giếng/ Trăng nơi đáy giếng*	16	239	32
10	*Mười ba bến nước/ Mười ba bến nước*	48	309	10
11	*Cánh đồng bất tận/ Cánh đồng bất tận*	68	288	25
12	*Phiên bản/ Hương Ga*	607	284	44
	Tổng	***2171***	***4172***	***465***

Bảng 3.2: Số lượng lời đối thoại được sáng tạo thêm ở PTĐA chuyển thể, không được chuyển sang PTĐA chuyển thể và được chuyển sang PTĐA chuyển thể

Tương ứng với bảng thống kê trên, có ba xu hướng chuyển đổi, biến đổi lời đối thoại khi VBTKVH được chuyển thể sang PTĐA:

- Cắt giảm lời đối thoại ở VBTKVH nguồn
- Sáng tạo thêm lời đối thoại trong PTĐA chuyển thể
- Chuyển lời đối thoại từ VBTKVH nguồn sang PTĐA chuyển thể

3.2. MIÊU TẢ XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI TỪ LỜI ĐỐI THOẠI TRONG VĂN BẢN TRUYỆN KỂ VĂN HỌC SANG ĐỐI THOẠI TRONG PHIM TRUYỆN ĐIỆN ẢNH

Khảo sát trong 465 lời đối thoại này, chúng tôi thấy có những lời đối thoại trong VBTKVH nguồn được chuyển nguyên vẹn sang PTĐA chuyển thể nhưng cũng có những lời đối thoại trong VBTKVH nguồn khi chuyển sang PTĐA chuyển thể thì được biến đổi ở những mức độ khác nhau. Kết quả cụ thể như sau:

STT	Các xu hướng chuyển đổi lời đối thoại từ VBTKVH sang PTĐA	Số trường hợp	Tỉ lệ (%)
1	Chuyển nguyên vẹn lời đối thoại	27	5,8%
2	Chuyển có biến đổi	438	94,2%

Bảng 3.3: Các hướng chuyển lời đối thoại từ VBTKVH sang PTĐA

3.2.1. Chuyển nguyên vẹn lời đối thoại trong VBTKVH nguồn sang PTĐA chuyển thể

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng lời đối thoại được chuyển nguyên vẹn từ VBTKVH sang PTĐA không nhiều (có 27 lời đối thoại trong tổng số 465 lời đối thoại được chuyển từ VBTKVH sang PTĐA).

Các trường hợp lời đối thoại được chuyển đổi nguyên vẹn từ VBTKVH nguồn sang PTĐA chuyển thể khi chủ đề, tình huống của cuộc đối thoại trong VBTKVH khi được chuyển đổi sang PTĐA hầu như không có sự biến đổi. Và về mặt hình thức ngôn từ, chúng ta cũng dễ nhận thấy chúng đều là những lời đối thoại ngắn, dễ thuộc và dễ thoại. Với việc không có bất kì một sự thay đổi nào về từ ngữ, những lời đối thoại này là biểu hiện dễ nhận ra của mối quan hệ tương giao - liên văn bản giữa VBTKVH nguồn và PTĐA chuyển thể tương ứng.

3.2.2. Chuyển lời đối thoại từ VBTKVH sang PTĐA nhưng có biến đổi

Biến đổi ở những lời đối thoại trong VBTKVH nguồn được chuyển sang VBTĐA chuyển thể có thể là:

3.2.2.1. Thay đổi chủ thể phát ngôn

Có những lời đối thoại khi ở trong VBTKVH nguồn thì là của nhân vật này nhưng khi được chuyển sang PTĐA chuyển thể thì lại của nhân vật khác.

3.2.2.2. Gộp hai lời đối thoại thành một

Có trường hợp hai lời đối thoại trong VBTKVH nguồn được gộp lại thành một lời đối thoại - một lượt lời trong PTĐA chuyển thể. Những trường hợp biến đổi như thế này thường thể hiện chủ đích rút ngắn trường độ của cuộc đối thoại hoặc biểu hiện những thông tin-ý nghĩa bổ sung nào đó.

3.2.2.3. Tách một lời đối thoại thành hai, ba

Có những lời đối thoại trong VBTKVH khi được vay mượn vào PTĐA đã được tách làm hai, ba lời đối thoại (hai, ba lượt lời) của cùng nhân vật đó hoặc của nhân vật đó và nhân vật khác.

3.2.2.4. Mở rộng lời đối thoại

Mở rộng lời đối thoại là việc bổ sung thêm câu từ cho lời đối thoại, làm cho lời đối thoại ở PTĐA chuyển thể dài hơn so với lời đối thoại ở VBTKVH nguồn.

3.2.2.5. Rút gọn lời đối thoại

Rút gọn lời đối thoại là làm cho lời đối thoại được vay mượn vào PTĐA chuyển thể ngắn hơn so với lời đối thoại gốc trong VBTKVH nguồn. Việc rút gọn đó có thể làm "hao hụt" hoặc biến đổi một phần lượng thông tin, ý nghĩa của lời đối thoại gốc trong VBTKVH.

3.2.2.6. Thay đổi một số biểu thức ngôn ngữ kéo theo thay đổi một phần thông tin - ý nghĩa lời đối thoại

Chuyển đổi từ lời đối thoại trong VBTKVH sang PTĐA chuyển thể nhưng có thay đổi một số từ ngữ (kéo theo thay đổi một phần thông tin-ý nghĩa của lời đối thoại) là xu hướng khá phổ biến. Theo thống kê của chúng tôi, số lời đối thoại được chuyển đổi theo xu hướng này là 135 trường hợp.

Tóm lại, từ lời đối thoại trong VBTKVH đến lời đối thoại trong PTĐA chuyển thể là một quá trình chuyển đổi, biến đổi ở nhiều biểu hiện và mức độ khác nhau, có khi chỉ là những biến đổi rất nhỏ (chỉ thay đổi một từ) nhưng cũng có khi là sự sắp xếp, thay đổi lại cả một lời đối thoại dài, làm biến đổi ý nghĩa của cả lời đối thoại đó.

3.3. MỘT SỐ KIẾN GIẢI VỀ XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI, BIẾN ĐỔI LỜI ĐỐI THOẠI

3.3.1. Những bất tương đồng ở nhân vật và ngữ cảnh giao tiếp

3.3.2.1. Sự bất tương đồng ở nhân vật giao tiếp trong VBTKVH nguồn và trong PTĐA chuyển thể tương ứng

a. Những biến đổi về số lượng nhân vật

Những biến đổi về số lượng nhân vật khi chuyển thể VBTKVH sang PTĐA diễn ra theo cả hai hướng cắt giảm và thêm mới. Các nhân vật không xuất hiện

trong PTĐA thì những lời đối thoại của họ cũng bị cắt bỏ. Việc thêm mới các nhân vật tất yếu dẫn đến các tình huống đối thoại mới và thêm mới lời đối thoại.

b. Những biến đổi về tính cách, thân phận của nhân vật

Nhiều nhân vật trong VBTKVH khi được chuyển sang PTĐA đã được nhà làm phim thay đổi một phần hoặc thay đổi hoàn toàn thân phận, tính cách. Sự thay đổi về tính cách, thân phận của nhân vật kéo theo những thay đổi về lời đối thoại của họ.

3.3.2.2. Những bất tương đồng ở yếu tố ngữ cảnh của các cuộc đối thoại trong VBTKVH nguồn và trong PTĐA chuyển thể tương ứng

Với các cuộc đối thoại trong VBTKVH và PTĐA, ngữ cảnh hay hiện thực ngoài diễn ngôn chính là toàn bộ thế giới hiện thực được phản ánh trong truyện kể. Thực tế, khi VBTKVH được chuyển thể sang PTĐA, thế giới hiện thực của truyện kể trong PTĐA chuyển thể so với trong VBTKVH nguồn có nhiều biến đổi nên bất tương đồng. Những biến đổi về thế giới hiện thực (hiện thực ngoài diễn ngôn/ ngoài ngôn ngữ) trong PTĐA chuyển thể so với thế giới hiện thực (hiện thực ngoài diễn ngôn/ ngoài ngôn ngữ) trong VBTKVH nguồn chi phối mạnh mẽ đến sự biến đổi của đối thoại. Sự "xô lệch" của ngữ cảnh giao tiếp chi phối đến sự biến đổi cấu trúc, nội dung các cuộc đối thoại, các lời đối thoại

Vậy, vấn đề cần tiếp tục đặt ra là do đâu mà có sự thay đổi thế giới nhân vật và thế giới hiện thực của truyện kể khi VBTKVH được chuyển sang PTĐA? Vẫn lại đặt văn bản vào trong mô hình giao tiếp để xem xét thì có thể thấy hai yếu tố chủ thể giao tiếp-chủ thể sáng tạo và thông điệp-văn bản chính là cơ sở / nguyên cớ của những thay đổi đó.

3.3.2. Những chi phối từ sự bất tương đồng về mã ngôn ngữ

3.3.2.1. Sự khác nhau trong thành phần của ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh

Nếu ngôn từ trong lời đối thoại ở VBTKVH tự mình phải mang tất cả sắc thái nghĩa thì ngôn từ trong đối thoại ở PTĐA luôn có sự "tương hỗ" biểu đạt của hình ảnh về các yếu tố phi lời. Các yếu tố phi lời (các tín hiệu phi lời) theo đó đóng vai trò nhất định trong việc lí giải nghĩa của lời nói. Nhiều khi chính những yếu tố phi lời mới giúp các nhân vật giao tiếp hiểu đúng lời của nhau. Thậm chí có những tình huống đối thoại, lời đối thoại sẽ trở nên không cần thiết bằng những biểu thị của ánh mắt, nét mặt.

Trong PTĐA, chức năng thông tin của một lời đối thoại có khi trở nên không cần thiết khi nội dung thông tin đó đã có ở hình ảnh đi cùng do đó, lời đối thoại phải biến đổi.

Trong VBTKVH, mức độ quan trọng và tỉ lệ nhiều ít của lời kể đơn thoại và đối thoại dường như là vấn đề không được đưa ra xem xét, cân nhắc như một nguyên tắc trong sử dụng. Trong ngôn ngữ tự sự điện ảnh, hình ảnh động được xác định là phương tiện biểu hiện đặc trưng và quan trọng nhất, còn âm thanh (âm nhạc, tiếng động và lời đối thoại) chỉ là phương tiện hỗ trợ, là thứ yếu. Những gì có thể thể hiện được bằng hình ảnh thì nhân vật sẽ không phải (và không được) lên tiếng.

3.3.2.2. Sự khác biệt về hình thức hiện diện của ngôn ngữ đối thoại trong VBTKVH và trong PTĐA

Hiện diện trong VBTKVH ở dạng ngôn ngữ viết, lời đối thoại không có các yếu tố kèm lời như ngữ điệu, trọng âm, cường độ, độ dài, đỉnh giọng, âm sắc v.v… Các yếu tố góp phần quan trọng vào sự biểu cảm của lời nói này nếu nhà văn muốn thông tin đến người đọc thì thường phải dùng các lời kể đơn thoại miêu tả (thoại dẫn) để chỉ dẫn, định hướng cho người đọc hình dung về các yếu tố kèm lời trong lời đối thoại của các nhân vật. Đối thoại trong PTĐA hiện diện ở dạng ngôn ngữ nói và "Không có một yếu tố đoạn tính nào được phát âm ra mà không có yếu tố kèm lời đi theo" [15; 220]. Các yếu tố kèm lời của lời đối thoại trong PTĐA tác động trực tiếp, đồng thời (cùng ý nghĩa biểu đạt của ngôn từ) tới sự tiếp nhận của khán giả với những giá trị biểu đạt rất phong phú.

Sự hiện diện của đối thoại trong văn bản truyện kể ở dạng nói hay dạng viết chi phối dung lượng và mức độ phức tạp (về cấu trúc) của lời đối thoại. Bởi vì, với đối thoại trong VBTKVH, khi đọc, người đọc toàn có thể kiểm soát được tốc độ đọc (có thể đọc lướt nhanh qua hay đọc đi đọc lại để xử lí những hình thức cú pháp phức tạp, những từ ngữ khó hiểu) thì với đối thoại trong PTĐA lại khác. Thoại trong phim là "để cho tai nghe" nên đường kênh tiếp nhận này cũng chi phối đến tính chất ngắn gọn, rõ ràng của lời đối thoại điện ảnh bởi "Người nghe phải xử lí tức thời một chuỗi lời được tạo ra một cách cập rập và chóng bị xóa nhòa, việc xử lí này sẽ trở nên dễ dãi hơn nhờ những hình thức cú pháp giản đơn và những từ ngữ giản đơn trong lời người nói" [5; 253].

3.3.2.3. Sự khác nhau về tính tuyến tính và tính đồng hiện của ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh

Theo đó, đối thoại trong truyện kể văn học hiện diện trong lời kể chuyện của người kể chuyện. Nghĩa là, lời (đối thoại) của người/ nhận vật này, trực giác có thể thấy rõ, hiện diện trong lời kể của một người khác. Về những trường hợp như thế này, Mikhail Bakhtin nhận xét: "Lời trên cửa miệng một người, khi chuyển sang

miệng người khác, nội dung như cũ, nhưng ngữ điệu và ý vị thì đã thay đổi" [Dẫn theo Trần Đình Sử (2016), nguồn: https://trandinhsu.wordpress.com]

Đối thoại trong phim truyện điện ảnh thì khác, chúng luôn là lời nói được phát ra trực tiếp từ nhân vật giao tiếp của các cuộc đối thoại, trong sự tương tác trực tiếp với nhau. Vai trò người kể chuyện ẩn đi, bị làm "mờ" đi một cách triệt để. Chính bởi điều này, đối thoại trong phim truyện điện ảnh luôn được thể hiện (và được tiếp nhận) trong sự chân thực, sinh động nhất

Tiểu kết

Các lời đối thoại khi được chuyển từ VBTKVH sang PTĐA, có thể chúng được giữ nguyên vẹn (số lượng không nhiều) nhưng cũng có thể được biến đổi (thay đổi chủ thể phát ngôn, gộp hoặc ba lời đối thoại thành một, tách một lời đối thoại thành hai hoặc ba, mở rộng lời đối thoại, rút gọn lời đối thoại, thay đổi một số từ ngữ kéo theo thay đổi một phần thông tin – ý nghĩa của lời đối thoại).

Những sự bất tương đồng về mã ngôn ngữ (ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh), bất tương đồng về mã văn bản (mã văn bản truyện ngắn khác mã văn bản tiểu thuyết và khác mã văn bản phim truyện điện ảnh), bất tương đồng về chủ thể giao tiếp - chủ thể sáng tạo (nhà văn, nhà làm phim) đã tác động sâu sắc đến sự biến đổi về số lượng lời đối thoại, biến đối kết cấu cuộc đối thoại, biến đổi về từ ngữ, cách diễn đạt trong lời đối thoại… và theo đó chi phối đến sự biến đổi ý nghĩa của lời đối thoại trong quá trình chuyển đổi từ đối thoại trong VBTKVH sang PTĐA.

KẾT LUẬN

1. Hiện tượng chuyển thể VBTKVH sang PTĐA diễn ra khá phổ biến, minh chứng sinh động cho mối quan hệ gần gũi giữa hai loại hình nghệ thuật. Do vậy, hiện tượng này thu hút sự quan của nhiều nhà nghiên cứu những mong làm rõ mối quan hệ đặc biệt đó. Nghiên cứu hiện tượng chuyển thể từ VBTKVH sang PTĐA ở phương diện ngôn ngữ (sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh), chúng tôi đã vận dụng mô hình giao tiếp, xem xét sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh trong sự chuyển tiếp của hai hoạt động giao tiếp: giao tiếp văn học và giao tiếp điện ảnh. Hướng nghiên cứu này giúp xem xét sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh trong sự đối chiếu ở trạng thái hành chức, nhờ đó có thể vừa làm rõ được những phương diện nội tại của mỗi hệ thống ngôn ngữ vừa làm rõ

được những tác động của các yếu tố khác trong hệ thống hoạt động giao tiếp đến từng mã ngôn ngữ.

2. Nghiên cứu sự chuyển đổi từ các tín hiệu - biểu tượng ngôn từ văn học sang tín hiệu – biểu tượng hình ảnh điện ảnh, chúng tôi đã chỉ ra được sự chuyển đổi từ các tín hiệu - biểu tượng ngôn từ văn học sang tín hiệu – biểu tượng hình ảnh điện ảnh diễn ra theo hai hướng là chuyển đổi tương đương (trong khác biệt) và chuyển đổi không tương đương hoàn toàn, nghĩa là có độ chênh nhất định ở hệ thống tín hiệu biểu thị và theo đó là độ chênh về ý nghĩa (thu hẹp ý nghĩa hoặc phát triển thêm ý nghĩa). Cùng với đó, ở chương ba của luận án, chúng tôi tiếp cận nghiên cứu sự chuyển đổi từ đối thoại trong VBTKVH sang đối thoại trong PTĐA (một khía cạnh/ thành phần của sự chuyển đổi từ ngôn ngữ viết trong VBTKVH sang ngôn ngữ âm thanh (lời đối thoại) trong PTĐA). Từ kết quả của những nghiên cứu định lượng, chúng tôi đã xác định được các xu hướng chuyển đổi, biến đổi đối thoại rồi từ đó đi sâu vào miêu tả cụ thể những xu hướng chuyển đổi, biến đổi này qua những những ví dụ cụ thể. Những biến đối đó có thể là ở cấp độ cả cuộc đối thoại (cuộc đối thoại bị cắt giảm hay được thêm mới, cuộc đối thoại được mở rộng trường đoạn hay rút ngắn trường đoạn…) và những biến đổi đó cũng có thể là ở cấp độ lời đối thoại (thay đổi chủ thể phát ngôn, sắp xếp, biến đổi từ ngữ trong lời đối thoại…).

3. Nghiên cứu về cơ sở của những xu hướng chuyển đổi, biến đổi khi tín hiệu - biểu tượng và ngôn ngữ đối thoại trong VBTKVH được chuyển sang PTĐA, luận án cũng đã làm rõ những tương liên, bất tương liên của các yếu tố trong hệ thống ngôn ngữ văn học và hệ thống ngôn ngữ điện ảnh; chỉ ra một cách cụ thể các biểu hiện chi phối của những điểm tương liên và bất tương liên này đến các xu hướng chuyển đổi, biến đổi từ tín hiệu biểu tượng và ngôn ngữ đối thoại trong VBTKVH sang PTĐA. Cụ thể, những khác nhau về mã ngôn ngữ, thông điệp, chủ thể giao tiếp (chủ thể tạo lập văn bản – thông điệp) ở hoạt động giao tiếp văn học và hoạt động giao tiếp điện ảnh đã chi phối trực tiếp đến những biến đổi về số lượng, hình thức biểu đạt, ý nghĩa được biểu đạt của các tín hiệu biểu tượng cũng như lời đối thoại ở PTĐA chuyển thể so với VBTKVH nguồn. Và cũng chính trong sự xác định, phân tích các cơ sở của những xu hướng chuyển đổi, biến đổi khi tín hiệu biểu tượng và ngôn ngữ đối thoại, luận án đã gián tiếp làm rõ được một cách toàn diện cơ cấu thành phần, đặc trưng, cơ chế lập mã, giải mã và các mối quan hệ tương tác trong trong hệ thống giao tiếp của (mã) ngôn ngữ văn học và (mã) ngôn ngữ điện ảnh.

4. Từ những nghiên cứu về sự chuyển đổi từ tín hiệu – biểu tượng ngôn từ trong VBTKVH sang tín hiệu – biểu tượng hình ảnh trong PTĐA và sự chuyển đổi từ đối thoại trong VBTKVH sang đối thoại trong PTĐA, những nguyên tắc chung nhất cho sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh được rút ra là:

Thứ nhất, chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh phải tính đến những tương liên và bất tương liên trong thành phần ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ điện ảnh, định hướng cho việc xác định những kí hiệu ngôn từ văn học nào có thể chuyển đổi tương đương / bất tương đương sang kí hiệu hình ảnh hay kí hiệu âm thanh trong ngôn ngữ điện ảnh; phải chú ý đến sự khác nhau của mối quan hệ nội tại (mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt) của kí hiệu ngôn từ nghệ thuật và kí hiệu hình ảnh điện ảnh khác nhau bởi sự khác nhau này chi phối đến sự khác nhau trong khả năng, phương thức biểu đạt ý nghĩa; phải chú đến sự bất tương đương về đơn vị mã vì sự biểu đạt một hình ảnh điện ảnh có thể tương đương với nhiều từ, nhiều câu.

Thứ hai, khi chuyển đổi từ đối thoại văn học sang đối thoại điện ảnh cần phải tính đến khả năng "hình ảnh hóa" lời đối thoại, tiết chế vai trò thuyết minh của lời nói, tăng vai trò biểu đạt của hình ảnh; phải chú ý giảm bớt sự trau chuốt, dài dòng để tăng tính tự nhiên, phi quy thức, giúp lời đối thoại trong PTĐA tiệm cận gần hơn với hội thoại hằng ngày, nhằm biểu đạt sự chân thực của ngôn ngữ điện ảnh; phải tính đến hiệu quả của các yếu tố kèm lời và phi lời ở lời đối thoại trong PTĐA để tăng, giảm phương tiện biểu đạt là ngôn từ trong lời đối thoại cho hợp lí.

5. Chuyển đổi từ VBTKVH sang PTĐA là một hiện tượng nghệ thuật phổ biến trong đời sống nghệ thuật trên toàn thế giới, đặc biệt gắn bó với với nền văn hóa nghệ thuật đại chúng và hiện đại ngày nay. Sự chuyển đổi này là nhịp cầu nối kết, chuyển hóa giữa hai hệ thống tín hiệu, hai mã ngôn ngữ và rộng ra nữa là hai loại hình nghệ thuật, hai hệ hình văn hóa: từ văn hóa đọc chuyển sang văn hóa nghe - nhìn; từ hình tượng nghệ thuật gián tiếp, trừu tượng trở thành hình tượng nghệ thuật trực quan, trực giác có thể nhìn thấy bằng mắt, nghe thấy bằng tai. Và những kết quả nghiên cứu về sự chuyển đổi từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh ở luận án này đã góp phần vào làm rõ những vấn đề thực tiễn và lí luận về chuyển đổi ở phương diện ngôn ngữ, cung cấp một tài liệu tham khảo hữu ích cho thực tiễn hoạt động chuyển đổi các VBTKVH sang PTĐA.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. **Đoàn Tiến Lực** (2011), "Lửa: Từ biểu tượng văn hóa đến biểu tượng ngôn từ", Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa,* số 05, tr.45-51.
2. **Đoàn Tiến Lực** (2013), "Giá trị của sự tương tác biểu tượng trong tác phẩm văn chương", Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa*, số 03, tr.102-106.
3. **Đoàn Tiến Lực** (2016), "Bàn về biểu tượng trong phim", Tạp chí *Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh*, số 10, tr.53-58.
4. **Đoàn Tiến Lực** (2016), "Nhìn lại một số quan điểm về phim chuyển thể", Tạp chí *Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh*, số 12+13, tr.45-50.
5. **Đoàn Tiến Lực** (2016), "Biểu tượng *sông* trong văn học Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa*, số 16, tr.77-81.
6. **Đoàn Tiến Lực** (2017), "Đối thoại trong văn bản truyện kể văn học và trong văn bản truyện kể điện ảnh: so sánh - nhận diện", Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 2 (256), tr.86-89
7. **Đoàn Tiến Lực** (2017), "So sánh tín hiệu ngôn từ văn học với tín hiệu hình ảnh điện ảnh", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 9(340), tr.60-70.